ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1989 /QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 07 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng tại Công văn số 01/HNNHC ngày 21 tháng 10 năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2249/TTr-SNV ngày 31 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng gồm 08 Chương, 26 Điều, đã được Đại hội thành lập Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2019 - 2024 thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2019.

(có Điều lệ kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng, thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thi hành);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh; (bản Đt)
- Sở Nông nghiệp&PTNT;
- Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh CB;
- Lưu: VT, NV, NC (D).

CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
HỘI NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TỈNH CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1989 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Cao Bằng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh và sử dụng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ nhằm phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên, phấn đấu cho mục đích phát triển bền vững lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại số 25, phố Bế Văn Đàn, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng hoạt động trên phạm vi tỉnh Cao Bằng, trong lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ.

2. Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng chịu sự quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II
QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Hội; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền, phổ biến tôn chỉ, mục đích của Hội; kết nạp và xóa tên hội viên; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, tập huấn, phổ biến, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về nông nghiệp hữu cơ theo quy định của pháp luật.

4. Truyền thông, tư vấn, phản biện, giám sát về những vấn đề liên quan đến nông nghiệp hữu cơ theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia đóng góp ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, dự án có liên quan đến nông nghiệp hữu cơ khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

6. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

7. Gây quỹ từ hội phí do hội viên đóng góp; được nhận các nguồn tài trợ của các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

8. Hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật về lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Tuyên truyền, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức và năng lực hoạt động của các hội viên, các tổ chức trong tỉnh tham gia hoạt động Hội.

4. Tham gia, giám sát, đánh giá quá trình phát triển lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các hoạt động của Hội để góp phần phát triển lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ đúng hướng.

6. Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án, cung cấp các dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức, mạng lưới hội viên; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên Hội theo quy định của pháp luật.

8. Hợp tác chương trình bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm cho các hội viên của Hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

9. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội theo quy định của pháp luật.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh và sử dụng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên danh dự: Là công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín trong xã hội, không có điều kiện trở thành hội viên chính thức của Hội nhưng có đóng góp cho Hội, được công nhận là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: Là công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh và sử dụng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được thảo luận và biểu quyết các vấn đề của Hội; được ứng cử, đề cử vào các chức danh lãnh đạo Hội; được đóng góp ý kiến với lãnh đạo hội về chủ trương và hoạt động của Hội.

4. Được quyền xin ra khỏi Hội.

5. Được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn; chia sẻ, cung cấp thông tin, kinh nghiệm trong phạm vi, quyền hạn của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Được cấp thẻ hội viên.

7. Được ưu tiên tham gia các chương trình, mô hình, dự án sản xuất nông nghiệp có liên quan đến nông nghiệp hữu cơ của các tổ chức trong và ngoài nước đầu tư.

8. Được ưu đãi các chương trình tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ *(nếu có)*.

9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động của Hội và sinh hoạt trong một tổ chức của Hội.

3. Tuyên truyền phát triển hội viên mới, đoàn kết hợp tác để cùng nhau thực hiện tôn chỉ, mục đích của Hội, góp phần xây dựng Hội ngày càng vững mạnh.

4. Đóng hội phí theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

Cá nhân, tổ chức đủ điều kiện quy định tại Điều 8 Điều lệ này nếu có nguyện vọng làm hội viên của Hội thì được Thường trực Hội xem xét để kết nạp làm hội viên của Hội.

Hồ sơ gia nhập gồm:

a) Đơn xin gia nhập (theo mẫu);

b) Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ của Hội;

c) Đóng hội phí theo quy định;

d) Thường trực Hội xem xét, quyết định công nhận hội viên của Hội.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên muốn xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Thường trực Hội xem xét, quyết định;

b) Đối với uỷ viên Ban Chấp hành, muốn xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành và báo cáo tại cuộc họp Ban Chấp hành gần nhất, Ban Chấp hành sẽ xem xét, quyết định;

c) Trước khi ra khỏi Hội, uỷ viên Ban Chấp hành và hội viên phải tiến hành bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho tổ chức, cá nhân được Ban Chấp hành uỷ nhiệm;

d) Hội viên vi phạm pháp luật, làm trái Điều lệ Hội, hoặc mắc sai lầm nghiêm trọng ảnh hưởng xấu đến uy tín của Hội, sẽ bị xoá tên danh sách hội viên của Hội.

Chương IV
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Thường trực.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn (nếu có).
6. Các tổ chức thuộc Hội (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 lần, có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội hoặc của ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Thường trực Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là hợp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Thường trực Hội

1. Thường trực Hội gồm: Chủ tịch và các Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu.

2. Thường trực Hội họp định kỳ 3 tháng một lần. Các cuộc họp bất thường, đột xuất do Chủ tịch Hội triệu tập. Mọi quyết định của Thường trực Hội phải được đa số các thành viên trong Thường trực Hội dự họp tán thành.

3. Thường trực Hội có nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo, điều hành các công việc của Hội.

b) Báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành.

4. Thường trực Hội có quyền hạn:

a) Quyết định thành lập hội đồng khoa học, các ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc khi có nhu cầu theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định khen thưởng và kỷ luật hội viên; công nhận hội viên mới, xóa tên và thu thẻ hội viên khi hội viên vi phạm pháp luật và Điều lệ Hội;

c) Quyết định cử cán bộ đi dự hội nghị, hội thảo, tập huấn, đi công tác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành;

d) Thay mặt Ban Chấp hành ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Thư ký Hội

Thư ký Hội do Chủ tịch Hội chỉ định trong số các Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Thư ký Hội có nhiệm vụ giúp Thường trực Hội trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động thường xuyên của Hội, hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn, tổ chức thuộc Hội.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn

Văn phòng và các ban chuyên môn có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất cho Ban Chấp hành và Thường trực Hội về các mặt hoạt động trong lĩnh vực mình phụ trách, đồng thời tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng được giao, quy chế làm việc do Ban Chấp hành Hội quy định.

Chương V
CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu gồm:

- Hội phí do hội viên đóng;

- Khoản thu do hội viên tự nguyện ủng hộ;

- Các khoản tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có);

- Các khoản thu từ các hoạt động tư vấn, phản biện, thẩm định dự án, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các hoạt động dịch vụ và đào tạo theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản chi gồm:

- Chi các hoạt động của Hội;

- Trả lương cho nhân viên chuyên trách (nếu có) theo quy định của pháp luật;

- Chi thuê trụ sở làm việc, điện nước, mua sắm các phương tiện làm việc;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Hội viên và tổ chức thuộc Hội có thành tích xuất sắc trong công tác sẽ được khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội quy định hình thức, thủ tục, thẩm quyền quyết định khen thưởng trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 24. Kỷ luật

1. Hội viên và tổ chức thuộc Hội vi phạm Điều lệ Hội, làm tổn hại đến danh dự và uy tín của Hội phải chịu các hình thức kỷ luật.

2. Trường hợp vi phạm pháp luật của Nhà nước sẽ bị xóa tên trong danh sách và thu hồi thẻ hội viên, bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Thường trực Hội quy định hình thức, thẩm quyền, thủ tục xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội đại biểu Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng gồm 08 Chương, 26 Điều đã được Đại hội thành lập Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2019 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Nông nghiệp Hữu cơ tỉnh Cao Bằng có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.